

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 36/2023/DS-ST

Ngày: 28 - 4 - 2023

V/v Tranh chấp chia tài sản chung vợ chồng và  
Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đình Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thanh Bình

Bà Nguyễn Thị Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Ông Cao Quốc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022, về “*Tranh chấp thừa kế tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/QĐST-DS, ngày 16/4/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1963; nơi cư trú: **Số G, đường F, tổ B, thôn E, xã S, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận**. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Huỳnh Thị C**, sinh năm 1985; nơi cư trú: **Số G, đường G, thôn B, xã S, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận**. Vắng mặt-Không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt cũng không có lý do chính đáng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Quỹ tín dụng nhân dân Sùng Nhơn; địa chỉ: **Số G, đường M, thôn B, xã S, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận**. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Bành Phi L**; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Có mặt.

3.2 Ông **Huỳnh Thanh V**, sinh năm 1987. Có mặt.

3.3 Bà **Huỳnh Thị D**, sinh năm 1992. Có mặt.

3.4 Bà **Huỳnh Thị B**, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: **số G, đường F, tổ B, thôn E, xã S, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận**.

3.5 Bà **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1988; nơi cư trú: **Số A, đường T, khu phố C, phường T, quận A, Thành Phố Hồ Chí Minh**. Vắng mặt.

4. *Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị B:* Bà **Huỳnh Thị D**, sinh năm 1992; nơi cư trú: **số G, đường F, tổ B, thôn E, xã S, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận**. Có mặt.

5. *Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H:* Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1963; nơi cư trú: **Số G, đường F, tổ B, thôn E, xã S, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận**. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:*

Bà **Trần Thị M**, ông **Huỳnh Thanh M1** kết hôn vào năm 1984 và có năm người con chung là ông **Huỳnh Thanh V**, sinh năm 1987; bà **Huỳnh Thị D**, sinh năm 1992; bà **Huỳnh Thị B**, sinh năm 1991; bà **Huỳnh Thị H1**, sinh năm 1988 và bà **Huỳnh Thị C**, sinh năm 1985.

Ông **Huỳnh Thanh M1** chết vào ngày 12/4/2022 vì bệnh. Cha ông **M1** là ông **Huỳnh N**, sinh năm 1921, chết năm 2016, vì bị tai nạn; Mẹ ông **M1** là bà **Bùi Thị H2**, sinh năm 1925, chết năm 2020 vì tuổi cao. Trước khi chết ông **M1** không để lại di chúc. Ông **M1** ngoài những người con chung với bà **M** thì không có người con riêng nào, cũng không có người con nuôi nào khác và ông **M1** chỉ có một mình bà **M** là vợ.

Sinh thời bà **M** và ông **M1** có tạo lập được khối tài sản là số tiền mặt 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Vào ngày 09/10/2020 ông **M1** gửi tiết kiệm

có kỳ hạn số này tại Quỹ tín dụng nhân dân S. Khi còn sống ông M1 trực tiếp giao dịch với Quỹ tín dụng nhân dân S. Sau khi ông M1 chết, do các đồng thừa kế không thống nhất được nên số tiền gửi tiết kiệm và tiền lãi phát sinh từ đó cho đến nay chưa xử lý được.

Số tiền gửi tiết kiệm từ khi gửi tiết kiệm đến nay chưa rút nên phát sinh tiền lãi, tổng số tiền gốc, dư lãi cộng vào gốc và tiền lãi tính đến nay 28/4/2023 là 638.663.400 đồng đây là tài sản chung của bà M và ông M1. Do đó bà M yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia để đảm bảo quyền lợi cho bà M cũng như các đồng thừa kế. Trong đó, bà M xác định tài sản của bà M, ông M1 trong khối tài sản chung của mỗi người là  $\frac{1}{2}$  là 319.331.700 đồng; di sản của ông M1, đề nghị chia cho các đồng thừa kế theo luật định.

Theo hồ sơ vụ án tại biên bản lấy lời khai (bút lục 95, 96, 97) bị đơn bà Huỳnh Thị C trình bày:

Bà Huỳnh Thị C đều đã nhận được đầy đủ đơn khởi kiện và các tài liệu do nguyên đơn gửi, cũng như các văn bản tố tụng của Tòa án. Bà Trần Thị M, ông Huỳnh Thanh M1 là cha, mẹ ruột của bà C. Ông M1 chết vào ngày 12/4/2022, khi chết ông M1 có để lại di chúc hay không thì bà C không biết. Cha của ông M1 là ông Huỳnh N1, mẹ của ông M1 thì bà C không biết rõ họ tên, nhưng cả hai ông bà đều đã chết và chết trước ông M1; ông M1 không có cha, mẹ nuôi; ông M1 có vợ là bà Trần Thị M và có năm người con là ông Huỳnh Thanh V, bà Huỳnh Thị D, bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Thị H1, và bà C; ngoài bà M ông M1 không có người vợ nào khác, cũng không có người con riêng, con nuôi nào.

Bà C yêu cầu Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để phân chia tài sản của ông M1, bà M và phân chia di sản thừa kế mà ông M1 chết để lại. Về di sản mà ông M1 chết để lại bà C không có ý kiến gì và thống nhất như phần trình bày của bà M. Số tiền ông M1 gửi tiết kiệm bà C thống nhất là tài sản chung của bà M, ông M1. Vì vậy thống nhất phân chia tài sản chung của bà M, ông M1 trước, sau đó phần còn lại thì chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông M1 còn để lại di sản gì khác nữa hay không thì bà không biết, nên không có yêu cầu bổ sung gì thêm. Bà C yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế do ông M1 để lại cho bà theo đúng phần bà được nhận theo hàng thừa kế.

*Theo hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Quỹ tín dụng nhân dân S** trình bày:*

Tháng 10 năm 2020 ông **Huỳnh Thanh M1** gửi tiết kiệm có kỳ hạn 06 tháng với số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) tại **Quỹ tín dụng nhân dân S**. Trong trường hợp đến kỳ hạn mà người gửi không rút tiền lãi thì số tiền lãi sẽ được cộng vào gốc. Hiện nay số tiền gốc chưa rút là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), số tiền lãi đến kỳ hạn chưa rút nhập vào gốc là 38.563.400 đồng, lãi phát sinh đến ngày 28/4/2023 là 100.000 đồng. Tổng số dư gốc và lãi đến ngày 28/4/2023 là 638.663.400 đồng. Khi gửi tiết kiệm **Quỹ tín dụng nhân dân Sùng Nhơn** có bàn giao sổ tiết kiệm cho khách hàng. Liên quan đến việc khởi kiện tranh chấp giữa các thừa kế của ông **Minh Q** tín dụng nhân dân **Sùng Nhơn** không có ý kiến gì hay yêu cầu gì. Trường hợp các đồng thừa kế thống nhất với nhau thì liên hệ **Quỹ tín dụng nhân dân S** để được giải quyết. Trong trường hợp tranh chấp thì khi có Bản án, Quyết định của **Tòa án Quỹ tín dụng nhân dân Sùng Nhơn S** sẽ giải quyết theo quy định.

*Theo hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Thị D** đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà **Huỳnh Thị B** trình bày:*

Thống nhất như phần trình bày của bà **Trần Thị M**. Số tiền gửi tiết kiệm tại **Quỹ tín dụng nhân dân S** là tài sản chung của ông **M1**, bà **M**. Trong đó, phần tài sản của bà **M**, ông **M1** mỗi người là  $\frac{1}{2}$ . Đề nghị Tòa án chia tài sản chung của bà **M**, ông **M1** theo quy định. Đối với di sản do ông **M1** chết để lại. Bà **D** đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị **B** đề nghị Tòa án chia theo pháp luật. Di sản mà bà **D**, bà **B** được chia bà **D**, bà **B** đồng ý giao lại cho bà **M**.

*Theo hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Huỳnh Thanh V** trình bày:*

Thống nhất như phần trình bày của bà **Trần Thị M**. Số tiền gửi tiết kiệm tại **Quỹ tín dụng nhân dân S** là tài sản chung của ông **M1**, bà **M**. Trong đó, phần tài sản của bà **M**, ông **M1** mỗi người là  $\frac{1}{2}$ . Đề nghị Tòa án chia tài sản chung của bà **M**, ông **M1** theo quy định. Đối với di sản do ông **M1** chết để lại, đề nghị Tòa án chia theo pháp luật. Di sản mà ông **V** được chia ông đồng ý giao lại cho bà **M**.

*Theo hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Thị H** do bà **Trần Thị M** là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Thống nhất như phần trình bày của bà **Trần Thị M**. Số tiền gửi tiết kiệm tại **Quỹ tín dụng nhân dân S** là tài sản chung của ông **M1**, bà **M**. Trong đó, phần tài sản của bà **M**, ông **M1** mỗi người là  $\frac{1}{2}$ . Đề nghị Tòa án chia tài sản chung của bà **M**, ông **M1** theo quy định. Đối với di sản do ông **M1** chết để lại, đề nghị Tòa án chia theo pháp luật. Di sản mà bà **H** được chia bà **H** đồng ý giao lại cho bà **M**.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Chia tài sản chung của vợ chồng ông **M1**, bà **M** mỗi người được  $\frac{1}{2}$  trong tổng số tiền gửi tiết kiệm tính đến ngày hôm nay là 638.663.400 đồng, tức mỗi người được 319.331.700 đồng.

+ Chia di sản của ông **M1** để lại cho các đồng thừa kế, trong đó mỗi người được hưởng là  $\frac{1}{6}$  của số tiền 319.331.700 đồng, mỗi người được chia 53.221.950 đồng.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của ông **Huỳnh Thanh V**, bà **Huỳnh Thị H**, bà **Huỳnh Thị D**, bà **Huỳnh Thị B** giao lại di sản được chia cho bà **Trần Thị M**.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên Tòa, trên cơ sở ý kiến của đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn bà Huỳnh Thị C cư trú tại huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nên khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện, chứng cứ do các đương sự cung cấp, do Tòa án thu thập, quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa cần xác định quan hệ tranh chấp giải quyết là “Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng và Tranh chấp về thừa kế tài sản” là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị B. Tuy nhiên, bà H đã ủy quyền cho bà Trần Thị M, bà B đã ủy quyền cho bà Huỳnh Thị D; tại phiên tòa có mặt bà M, bà D. Vắng mặt bị đơn bà Huỳnh Thị C nhưng không có lý do chính đáng, cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự trên tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Quá trình làm việc cũng như tại phiên các đương sự đều thống nhất bà Trần Thị M và ông Huỳnh Thanh M1 là vợ chồng và có năm người con chung là ông Huỳnh Thanh V, bà Huỳnh Thị D, bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Thị H1, và bà Huỳnh Thị C. Ông Huỳnh Thanh M1 chết vào ngày 12/4/2022 không để lại di chúc. Cha, mẹ ông M1 là ông Huỳnh N, bà Bùi Thị H2 đều đã chết. Ông M1 không có người con riêng, người con nuôi nào và ông M1 chỉ có một mình bà M là vợ. Bà M và ông M1 có khối tài sản chung là số tiền 638.663.400 đồng hiện đang gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại Quỹ tín dụng nhân dân Sùng Nhơn. Nên đây là sự thật không cần phải chứng minh.

[5] Theo các đương sự thống nhất số tiền 638.663.400 đồng gửi tiết kiệm là tài sản chung của bà M và ông M1. Do đó, bà M yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia để đảm bảo quyền lợi cho bà M cũng như các đồng thừa kế là có căn cứ. Do đây là tài sản chung của vợ chồng, hiện nay do ông M1 đã chết lại đang gửi tiết kiệm tại Quỹ tín dụng nhân dân S, các bên đương sự không thống nhất tự giải quyết. Nên có căn cứ xác định bà M, ông M1 mỗi người có quyền  $\frac{1}{2}$  số tiền trong tổng số tiền

638.663.400 đồng tài sản chung là 319.331.700 đồng. Do ông M1 đã chết, nên phần tài sản của ông M1 được chia thừa kế.

[6] Ông Huỳnh Thanh M1 chết ngày 12/04/2022 không để lại di chúc, nên di sản ông M1 chết để lại chia theo pháp luật. Thời điểm mở thừa kế là ngày 12/04/2022.

[7] Những người thuộc diện và hàng thừa kế của ông M1 gồm có bà Trần Thị M, ông Huỳnh Thanh V, bà Huỳnh Thị D, bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Thị H1 và bà Huỳnh Thị C.

[8] Di sản thừa kế ông Huỳnh Thanh M1 để lại là  $\frac{1}{2}$  số tiền trong tổng số tiền 638.663.400 đồng hiện đang gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân S là 319.331.700 đồng.

[9] Những người thừa kế của ông Huỳnh Thanh M1 đều không có ai từ chối nhận di sản, cũng không thuộc trường hợp không có quyền hưởng di sản. Ông M1 chết không để lại di chúc, nên di sản được chia cho các đồng thừa kế theo pháp luật. Mỗi người thừa kế được hưởng phần di sản là  $\frac{1}{6}$  trong tổng di sản của ông M1 chết để lại là 53.221.950 đồng.

[10] Tại phiên tòa các thừa kế của ông Huỳnh Thanh M1 là ông Huỳnh Thanh V, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị D, bà Huỳnh Thị B đồng ý giao lại di sản được chia cho người thừa kế của ông M1 là bà Trần Thị M. Đây là sự tự nguyện của các đương sự, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[11] Bà M là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí, nên bà M không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với phần di sản được chia trong khối di sản thừa kế. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí.

[12] Các đương sự, người đại diện đều có quyền kháng cáo theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 91, 203, 147; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 611, 612, 613, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 33 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm

đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014;

## 1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trần Thị M**:

1.1 Chia tài sản chung của vợ chồng giữa bà **Trần Thị M** và ông **Huỳnh Thanh M1**.

- Chia cho bà **Trần Thị M** số tiền 319.331.700 đồng (*Ba trăm mười chín triệu ba trăm ba mươi một ngàn bảy trăm đồng*) trong khối tài sản chung với ông **Huỳnh Thanh M1**.

1.2 Chia di sản thừa kế của ông **Huỳnh Thanh M1** để lại đối với số tiền 319.331.700 đồng (*Ba trăm mười chín triệu ba trăm ba mươi một ngàn bảy trăm đồng*).

- Chia cho bà **Trần Thị M**, bà **Huỳnh Thị C** mỗi người số tiền 53.221.950 đồng (*Năm mươi ba triệu hai trăm hai mươi một ngàn chín trăm năm mươi đồng*) di sản do ông **Huỳnh Thanh M1** chết để lại.

- Ghi nhận sự tự nguyện giữa các đương sự ông **Huỳnh Thanh V**, bà **Huỳnh Thị H**, bà **Huỳnh Thị D**, bà **Huỳnh Thị B** đồng ý giao di sản được chia của mỗi người là 53.221.950 đồng (*Năm mươi ba triệu hai trăm hai mươi một ngàn chín trăm năm mươi đồng*) cho bà **Trần Thị M**.

Tổng số tiền bà **Trần Thị M** được chia tài sản chung và được chia di sản thừa kế là 585.441.540 đồng (*Năm trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi một ngàn năm trăm bốn mươi đồng*).

Hiện số tiền trên đang được gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại Quỹ tín dụng nhân dân Sùng Nhơn theo Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AC0415424. Bà **Trần Thị M**, bà **Huỳnh Thị C** còn được hưởng số tiền lãi phát sinh trên số tiền được chia, nhận kể từ tiếp ngày theo của ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất thỏa thuận gửi tiết kiệm giữa bên gửi ông **Huỳnh Thanh M1** và **Quỹ tín dụng nhân dân S**.

## 2. Về án phí:

Bà **Trần Thị M** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà **M** số tiền 8.750.000 đồng (*Tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012539, ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Quý tín dụng nhân dân Sùng Nhơn, ông **Huỳnh Thanh V**, bà **Huỳnh Thị H**, bà **Huỳnh Thị D**, bà **Huỳnh Thị B** không phải chịu án phí.

Bà **Huỳnh Thị C** phải chịu 2.661.097 đồng (*Hai triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn không trăm chín mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

### 3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự, người đại diện của đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (28/4/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- C.C. THA.DS huyện Đức Linh;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đình Trường**

